



## Bài tập từ vựng tiếng Anh lớp 4

### Bài 1: Choose the best answer (Chọn đáp án đúng nhất)

1. \_\_\_\_\_ nationality is she? - She's British.

- A. Where
- B. Who
- C. What

2. Can he play the guitar?

- A. No, she can't.
- B. Yes, he can.
- C. They can run fast.

3. My favourite \_\_\_\_\_ is English.

- A. toy
- B. food
- C. subject

4. She works \_\_\_\_\_ a hospital.

- A. at
- B. on
- C. to

5. Which animals do they see in the zoo?

- A. They see many cars.
- B. They see lions and giraffes.



C. They see two doors.

6. He \_\_\_\_\_ an email to customers.

A. sent

B. put

C. built

**Bài 2: Fill in the answer (Điền câu trả lời thích hợp)**

Playing tennis	Sunny	Singapore	Monday	Yes	Math
----------------	-------	-----------	--------	-----	------

1. What was the weather like yesterday?

→ \_\_\_\_\_

2. Where were you last summer?

→ \_\_\_\_\_

3. What subjects do you have today?

→ \_\_\_\_\_

4. When's your sports day?

→ \_\_\_\_\_

5. What do you do in the morning?

→ \_\_\_\_\_

6. Can she ride a bike?

→ \_\_\_\_\_

**Bài 3: Put the alphabets in order (Sắp xếp lại các chữ cái sau)**

1. ETSAYDU	T_____	Thứ ba
2. OTANNUIM	M_____	Núi
3. TCOBORE	O_____	Tháng mười
4. USYB	B_____	Bận rộn
5. HPOPI	H_____	Con hà mã
6. IPEAMCRF	C_____	Lửa trại



7. RNUOD	R _ _ _ _	Tròn
8. ITOYRSH	H _ _ _ _ _	Lịch sử



**Đáp án:**

**Bài 1:**

1 - C	2 - B	3 - C	4 - A	5 - B	6 - A
-------	-------	-------	-------	-------	-------

**Bài 2:**

1. Sunny
2. Singapore
3. Math
4. Monday
5. Playing tennis
6. Yes

**Bài 3:**

1. TUESDAY	2. MOUNTAIN	3. OCTOBER	4. BUSY
5. HIPPO	6. CAMPFIRE	7. ROUND	8. HISTORY